

SỐ 2115

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

Sa-môn Khế Tung ở Đông Sơn, Đàm Tân, Đặng Châu soạn.

QUYỂN 11

ĐỀ LỜI TỰA
(gồm 13 bài)

LỜI TỰA TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG ĐỊNH TỔ ĐỒ

Bồ-đề Đạt-ma thật là Tổ thứ hai mươi sáu trong giáo của nhà Phật, cũng như Đại Ca-diếp là người trực tiếp tương thừa từ Đức Thích-ca Văn Như Lai. Lưu truyền đạo đó đến Trung Quốc, năm tháng thời đại tích chứa lâu xa, phả điệp sai lầm rối ren, mà người học ít biết không thể suy rõ gốc thật đó, lẫn lộn dị luận xưa nay lắm nhiều vậy. Tôi bình sanh lấy đó làm hoạn nạn lớn, vừa khảo xét phải quấy đó, để làm chánh Tông Tổ đó. Sách đó vừa ra mắt, gặp ban biểu đồ Tổ sư truyền pháp trao y, trái bày đến cùng thiên hạ. Nhưng người học Phật tuy đều vinh hạnh đó, vẫn còn nghe oán ngời chưa hiểu ý trên. Tôi may đây trộm nói cùng người có nhận biết rằng: “Phật tôi đem cốt yếu của chánh pháp làm tông của một Đại giáo, dùng kín truyền nhận làm Tổ của một Đại giáo. Tông đó là Đạo nguyên của Thánh Hiền, là Diệu bản của sanh linh. Tổ đó là Đại Phạm của muôn đời học Định tuệ, là chân nghiệm của mười hai Bộ thuyết.

Từ khi sách truyện loạn lạc đó lan tràn, thiên hạ nghi ngờ đó cả trăm ngàn năm vậy. Nay Hoàng thượng là bậc Đại Thánh đặc ban Biểu

đồ để làm chánh Tông Tổ đó. Nhưng Thánh nhân giáo Đạo hẳn Thánh nhân mới hay chánh đó. Đó đâu chỉ may mắn lớn của sanh linh trời đất vậy. Tôi cố chẳng trốn lánh trách phạt, tiếm vượt ngu vọng đó, dám mở chế dẫn việc cũ của sách đó, suy diễn ý của Đại Thánh, ngưỡng ghi chú ở Tổ Đồ, cũng là chỗ trước gọi là ban Tổ sư truyền pháp trao y ấy vậy. Nhưng mới đầu đó loạn lạc Tổ Tông tôi, thiêu đốt lầm hoặc người học trong thiên hạ, chẳng như ở “Phú Pháp Tạng truyện”. Chánh Tông tổ đó để dứt đoạn tranh cãi của muôn đời thì không gì như ở “Thiền Kinh”. “Thiền Kinh” đã lưu xuất trước “Phú Pháp Tạng truyện” sáu mươi hai năm, thử chung đều biên ghi đầy đủ, hai mươi tám vị Tổ đã thấy ở đời nhà Tấn. “Phú Pháp Tạng truyện” khuyết sau niên hiệu Thái Bình Chân Quân (440-451). Đời vua Thái Võ Đế- Thác Bạt Đào (424-452) thời Bắc Ngụy phế hủy Phật giáo vậy, chỉ nói có hai mươi bốn đời Tổ sư thấy ở thời nhà Ngụy. Vừa lấy “Thiền kinh” để nghiệm xét, mà “Phú Pháp Tạng truyện” quả thật đó sai lầm vậy. Như kinh Đại Niết-bàn, luận Đại Trí Độ cùng lời tựa đó vậy. Dùng ý để tìm cầu đó, mà ý chỉ vi diệu của Phật còn vậy. Hoàng Thượng dục tâm cao diệu, riêng được ở ngoài ngôn ngữ, đó là thiên tư Phật ký thác vậy. Nên đó phát huy Thiền tổ nhà cùng kinh hợp, thích nghi ban trải muôn đời trọn làm đoán định. Các hàng Phật tử Tam học, tuân theo đó mà kính ngưỡng, thiên hạ chẳng lại nghi ngờ vậy. Xếp bày của Biểu Đồ đó, từ Đức Phật Thích-ca Văn, xuống Đại Ca-diếp, đến Thiền sư Đại Giác. Lục tổ ở Tào Khê, cả thấy ba mươi tư vị. Lại vì các bậc Hiền của Nho giáo và Phật giáo, họ nói Tông Tổ tôi vốn có chứng cứ, mười vị xếp bày ở chung quanh chư Tổ, kính cẩn cùng theo Truyền Pháp Chánh Tông Ký đó đến cùng quyết tấu dâng. Mảy trần vậy bản Thần quyển, chẳng nhậm lo sợ rất lắm. Kính ghi lời tựa.

LỜI TỰA LỤC TỔ PHÁP BẢO KÝ

Bài này tức do Thị lang làm phụ

Căn cứ Đường Thư nói: Cuối thời Hậu Ngụy có vị Tăng hiệu là Đạt ma vốn con vua nước Thiên Trúc, vì hộ pháp nên xuất gia, đi vào Nam Hải, chứng đắc Diệu pháp của Thiền tông từ Đức Phật Thích-ca Văn tương truyền, có y bát làm chứng ký, vì đời cùng trao nhận. Đạt-ma mang y bát theo đường biển đi thuyền mà lại. Vào Nam Lương, đến vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550), vua Võ Đế đem việc Hữu vi mà hỏi, Đạt-ma không giảng nói, mới đến Bắc Ngụy ẩn ở chùa Thiếu Lâm tại Tung sơn, đem Pháp đó truyền trao cho Tuệ Khả. Tuệ Khả truyền trao

cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền trao cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền trao cho Hoàng Nhẫn, Hoàng Nhẫn truyền trao cho Huệ Năng, mà lại truyền xuất cho Thần Tú. Huệ Năng tính từ Đạt-ma đến Trung Quốc tức là đời thứ sáu, nên thiên hạ gọi đó là Lục Tổ.

Pháp Bảo Ký là do Lục Tổ giảng nói Pháp đó vậy. Pháp đó là Đại Bản của sanh linh, nào là người, là Quỷ thần, là muôn vật, bèn cùng thanh minh quảng đại đó rồi ren mà khác lạ. Lục Tổ mới xót thương đó, mới dẫn dụ người, muốn người tìm cầu đó, tức tâm đó mà trở lại với Đạo vậy. Nhưng người nói tánh mạng ở trong thiên hạ có lắm nhiều vậy. Như họ nói đó rất rõ ràng, lý đó rất xác đáng, suy đó thấy tường tận, mà nhà Phật chứng đắc đó vậy. Như họ chỉ bày đó rất thẳng, hướng đến đó rất tắt, chứng đắc đó rất gần, mà Lục Tổ đối với nhà họ Thích lại chứng đắc đó vậy. Lục Tổ đối với giáo Đạo nhà Phật có thể gọi là cốt yếu thấu đạt vậy.

Nay Thiên Tử viết Thiện Các Ký, nghĩa là đem bản tánh chứng ở Liễu nghĩa, tức là chưa có bỏ Đạo của Từ phụ ở Lục Tổ, nói dối thiện tâm của chư Phật vậy. Kỳ vĩ thay! Chỉ bậc Chí Thánh mới có khả năng biết chí Đạo vậy. Nhưng thuyết của Lục Tổ, tôi vốn kính trọng đó, lo hoạn đó bởi sự thêm bớt của thế tục, mà văn tự hẹp hòi, rườm rà xen tạp, gần như không thể khảo sát. Gặp có Sa-môn Khế Tung làm Đàn Kinh Tán, nhân đó tôi nói cùng Sư Khế Tung rằng: “Nếu có khả năng chánh đó, tôi sẽ vì xuất tài của, khắc bản in ấn để rộng lưu truyền”. Trải qua hai năm, Sa-môn Khế Tung quả nhiên có được Bản cổ của Tào Khê mà hiệu đính đó, khắc thành ba quyển, rõ ràng lời của Lục Tổ lại chẳng sai vọng, mới bảo thợ khắc bản để gom tập Thắng sự đó.

Ngày mười chín tháng ba năm Chí Hòa thứ ba (1056) thời Bắc Tống. Kính ghi lời tựa.

LỜI TỰA NGŨ LỤC CỦA HÒA THƯỢNG LƯƠNG Ỏ NGŨ PHONG TẠI MINH CHÂU

Mới đầu, Đức Phật Thích-ca Văn, ngoài kinh giáo ra, đem Đại Tam muội bảo cùng đệ tử cao túc là Đại Quy Thị trao truyền đó. Nhưng chẳng phải không liên quan đến kinh giáo, bởi chỗ mở sáng của kinh giáo vậy, đem dùng ấn chánh hết thảy pháp môn quyết định làm Tông cực của Diệu giác. Mãi đến Bồ-đề Đạt-ma tiếp thừa Đại Quy Thị làm Tổ đời thứ hai mươi tám mới truyền đến Các Hạ. Ở Các Hạ, đến Tổ thứ sáu ở Tào Khê truyền đó. Trải qua thời thế đó, chưa tập học thuần thực các Tổ sư, như tựa kinh để luận người học chưa hẳn thuần dùng chân

yếu để chỉ bày đó. Bạc chí nhân đời sau thân gần có mà thích nghi đó, bèn dùng ngay đó mà phát người, nên chỗ làm người đó chẳng dùng kinh nói, nên người chương cú trong thiên hạ nghe oánh ngời, cho đó là trái với Kinh mà lập dị, vì chẳng phải vậy.

Ồi! Đó đâu biết, phạm biến mà thông đó rất khế hợp với kinh. Nhưng người học không dễ thấu đạt đó. Thấu đạt đó lại khó kế tiếp đó, kế tiếp đó lại khó biện rành đó. Như người đều họa vẽ rồng mà chưa từng được thấy hình rồng thật, đến lúc có người đem rồng thật chỉ bảo cho đó mà ở đời cũng không tin, bởi trong thiên hạ, người biết rồng hiếm ít vậy. Nay ở đời, ai chẳng nói Đạo, rồi ren đều truyền, chỗ truyền ấy có thấu đạt, có cùng không? Đâu có thể hết được chỗ biện đó ư? Nên tôi thường âu lo hỗn loạn đó, Đạo chân thật làm người bệnh nặng, chỉ thẹn núp mà chẳng thể giảng bày đó vậy. Hiện nay, chỗ tôi biết có Lương Công ở Ngũ phong là bậc Thiện tri thức vậy, càng mừng mà nói đó. Lương công cũng vui mừng tương đắc, bèn đưa bản Ngũ lục cho tôi xem, đọc đó có nhiều điểm phát huy kỳ diệu, chỗ gọi là khéo biến mà thông ấy vậy. Lương Công nhận thọ từ Thiên sư Viên Từ Minh. Từ Minh được truyền kế tiếp từ Lâm Tế, Lâm Tế là được truyền từ Đại Tịch-Đại Trí. Lương Công đây thích nghi với Thiên là bậc vậy. Như đẹp xinh của tu khiết đó, mà áp người bốn phương thanh xứng đó, thì đây chẳng phải lại luận bàn.

LỜI TỰA VỖ LĂNG TẬP

Hòa thượng Tuệ Viễn do có đạo phong mà vang danh vang khắp bốn phương. Trong khoảng niên hiệu Thiên Hy (1017-1022), Càn Hưng (1022-1023) thời Bắc Tống, tiếng tăm người rất vang động, ngài học ở bốn phương chẳng kể xa gần thấy đều quy hướng như nước cuộn cuộn đổ về. Tôi thuở nhỏ có nghe đó, mà hận không biết người đó, về sau đến đất Ngô, được biết điều đó từ hai Sa-môn Cần và Xiêm. Xem đó phát diễn rõ ràng tường tận, ứng đối thứ tự, ngôn ngữ thủy đều văn vẻ. Chẳng dùng phạm gần tạp xuất, tuy vào Đại kinh Đại luận, mà tựa cứ như văn trị thế, thuyết của Lão Tử Trang Chu mà chẳng nghi ngờ. Nhân rồi nghiên cứu chỗ kết quy đó, mà cùng Phật Pháp áo diệu tựa như không thể dùng trí tận cùng thần mà sáng tỏ đó. Ngõ hầu đó ư? Mới đầu, Đại sư Đạt-ma đem tâm ấn của Phật đến Trung Quốc, gặp Thiên tử Nam Lương (Võ Đế-Tiêu Diễn 502-550) đả trước Hữu vi, không xét rõ lời đó, Đạt ma bèn theo hướng Bắc vào Tung Sơn, quay mặt vào núi, trọn ngày ngồi im lặng suốt chín năm. Đến lúc nghi ngờ của người Hoa Hạ

hời cỏi mở thì đạo của Đạt-ma mới được lưu truyền vậy. Đời sau, lại có các cao tăng dùng Thiền quán đó để lưu truyền. Lại nữa, người học ở đời sau không hiểu biết xa rất tin truyền là làm lời ấy vậy. Cũng chẳng tư duy đó quá lắm vậy. Đạo của Đạt-ma, đâu chỉ có Thiền quán mà thôi vậy. Phạm, Thiền là tĩnh, Quán là quán tưởng vậy. Thánh nhân chỉ dạy người mới học khiến họ Tĩnh tư lự để quán Đạo đó vậy. Như chỗ truyền của Đạt-ma tiếp thừa từ Đệ tử Cao túc của Phật là Đại Ca-diếp. Xưa kia, Đức Như Lai lúc sắp diệt độ, đem chánh pháp nhãn tạng có thể dùng ngôn ngữ để phát ra, mà không thể dùng ngôn ngữ để thấu đáo, nên bảo Đại Ca-diếp dùng Tâm để truyền. Chỗ gọi là chánh pháp ấy là nguyên do lưu xuất của Đại giáo, là nguyên do tỏ sáng của các kinh. Người chứng đắc đó, tuy dùng muôn vàn đầu mối mà nói đó nhưng điều nói đó chưa từng xen tạp. Người không chứng đắc đó, tuy dứt tuyệt ngôn ngữ mà giữ đó, nhưng chỗ giữ đó chưa từng không lầm hoặc vậy. Nay điều nói của Hòa thượng, nghĩa là chứng đắc chánh pháp đó vậy. Thiền quán sao có thể cùng tận đó? Hòa thượng được lưu xuất từ đời thứ ba của Đại sư Vân Môn. Đại sư Vân Môn được lưu xuất từ đời thứ tám của Thiền Sư Đại Giác. Than ôi! Cách Thánh nhân càng xa, người học nghi ngờ lầm hoặc sai lầm. Ngay thời của Hòa thượng, cách Đại sư Vân Môn chưa đầy trăm năm, riêng ôm chánh pháp cùng người đó chung trông mong, cứng rắn dẫn dắt người học dùng chánh pháp nhãn tạng đó để chánh truyền trao cho người học đó. Thật như được dừng để chấm dứt chạy cuồng. Đó đối với giáo Đạo mà đức cũng thấu đáo vậy. Sau khi Hòa thượng đã thi tịch, các chúng đệ tử gom nhặt lời của Hòa thượng, lấy chỗ đất nơi Hòa thượng ở, mà đặt gọi tên là “Võ Lăng Tập”.

Ngày hai mươi tháng mười năm Nhâm ngo (1042) thuộc niên hiệu Khánh Lịch (1041-1049) thời Bắc Tống. Kính đề tựa.

LỜI TỰA NGUYÊN TÔNG TẬP

Thiền sư Cần ở Tượng Quận, gom tất cả thuyết của Thiền học và Bách gia, tham tằm mà nhón rút điểm rất thấu đáo của lời đó. Tiếp làm thành sách của một nhà. Do từ Đức Thích-ca Như Lai mà xuống đến Vân Môn, đệ tử truyền y cả thầy có ba trăm ba mươi người, nói có sáu trăm hai mươi tấc, cả thầy hơn một vạn tám ngàn từ. Khi sách hoàn thành, bảo không đầy đặn tên mà đề tựa đó. Đại chỉ vì không theo ngôn ngữ sanh chỗ giải hội. Người bình thường giản đơn kính nhiệm chẳng mất tông đó làm được đó vậy. Nên nói Thiền sư Cần-Nguyên Tông chứng pháp từ Viễn Công-Đức sơn, ẩn khả ở Trường Công-Tam Giác.

Trường Công và Viễn Công đều là Pháp tôn của Đại sư Khuông Chân vậy. Vân Môn tiếp thừa từ Thiền sư Tiến-Vân Phong, Vân Phong tiếp thừa từ Tuyên Giám-Đức Sơn. Đức Sơn tiếp thừa từ Thiền sư Tín-Long Đàm. Long Đàm nối dõi từ Thiền sư Ngô-Thiên Hoàng. Thiên Hoàng nối dõi từ Đại sư Thạch Đầu. Thạch Đầu tiếp nối từ Hòa thượng Tư-Lô Lăng. Hòa thượng Tư thọ pháp từ Lục Tổ tức là Thiền sư Đại Giám. Mở rộng Đạo do Bồ-đề Đạt-ma hồng truyền, nên người học Phật trong thiên hạ tôn quý đức đó. Như Khổng Tử tiếp thừa Chu Công mà khoa động Đạo của Nghiêu Thuấn, Thánh nhân cử dụng đó sở dĩ gọi là giáo vậy. Đại dụng không thể rốt cùng, tức văn tự lấy làm đến. Tới lúc chủng trí sai biệt, Pháp môn muôn khác, lại sợ người đa văn ở đời sau sai lầm, khốn khổ người học không kịp, nên Đức Thích-ca Như Lai đem ngay chánh pháp trao cho Đại Ca-diếp, tuy chỉ bày ngôn thuyết đó mà không vết tích văn tự. Bồ-đề Đạt-ma cách Đức Như Lai hai mươi chín đời, nhận thọ đó rồi đưa đến phương Đông. Mới đầu mọi người chẳng hiểu, thời đó đều đui bỏ. Kịp lúc truyền đến đời Thiền sư Đại Giám, lại rất kính tin. Người học hưởng theo, như nước cuộn cuộn đổ về. Ôi! Cuối thời Tượng Pháp, cách Thánh nhân càng xa, người học xuyên tạc mê mất Đạo chân, Thiền sư vì rất lấy làm than thở đó, nên làm mẫu tông cực đó, ngõ hầu có chỗ chánh vậy.

Ngày Rằm tháng mười năm Tân tỵ (1041) thuộc niên hiệu Khang Định (1040-1041) thời Bắc Tống.

LỜI TỰA DI THẠCH THI.

“Di Thạch Thi” tức là tảng đá được khiêng về mài dũa xinh đẹp của Quân tử vậy. Tảng đá ấy lúc đầu vất bỏ bên vệ đường, tuy nó quý lạ, to lớn nhưng khả quan, mà người đi đường chẳng đoái hoài. Sa-môn Vô Biện suy nghĩ lấy mà hiển bày đó, mới dùng thợ khéo tính chẳng sùng triều, bèn đặt để đến nơi sân nhà. Cao vút trống như núi cao, trước nhìn ao trong, sau râm cây tốt, hai bên càng mở rộng ba ngôi nhà đề tên là: Thạch Diên, Chiếu cổ và Thiền yển. Đến đó khiến người chột nhiên mà u tư, từ đó người khoe cùng bảo người trông xem rảo lại, đẹp xinh của Đá một sáng sớm bèn hiển bày. Sa-môn Vô Biện lại làm thơ để ca ngâm đó. Các Hiền sĩ Đại phu cùng chư vị các phương khéo giỏi thơ cũng theo mà phú đó. Hẳn muốn tôi làm lời tựa, nhưng mọi người đều có sự đả thích, mà có nhả có tục, có Dâm có Chánh. Nhìn vật đó thì Hiền của người đó có thể biết chăng? Nếu Đá đó là vật, tánh nó cứng mà chất nó chắc, hình nó tĩnh mà chế nó vuông. Vuông ấy là tự như Quân

tử cương chánh mà không cầu thả. Chắc ấy là tợ như tiết tháo Quân tử chẳng thay đổi vậy. Cứng ấy là tợ như Quân tử hùng nhuệ mà đứng vững vậy. Nhưng tên của Di Thạch lại càng đẹp xinh ấy vậy. Ngoài ra phong cự tợ như Hiền nhân nghiêm trọng mà túc vật vậy. Bên trong đó trống rỗng tợ như chí nhân hư tâm mà hợp Đạo vậy. Nay Sa-môn Vô Biện dùng Đạo tôi làm Thiền giả, Sa-môn cũng dùng bút mực cùng các Nho nhân giao du, đem đá đó dựng lập nơi sân, sớm trông chiều nhìn, hẳn muốn nhờ sáu thứ dùng làm Đạo đức có ngoài giúp thưởng, tháo tu đó im lặng xét vậy. Đến lúc đọc thơ đó, tìm câu nguyên do làm ý đó thì chưa cùng từng đây chẳng hợp. Nhưng, Sa-môn Vô Biện tâm đó xa như vậy mà cùng thế tục đó đùa vui với thật, cố nhiên chẳng đủ cùng trông mong. Các ông đẹp xinh mà thi phú cũng chẳng thích nghi ư? Thơ đó có bao nhiêu bài, đều là Hào phú của thơ ấy vậy, trông nhìn đó có thể thấy, đâu phải chỗ thấp kém có thể thấy đều bình xét.

Ngày... tháng... năm..., Tôi kính đề tựa.

LỜI TỰA THƠ MƯỜI BÀI VỊNH PHÁP VÂN.

Trú thượng nhân ở Pháp vân sửa chỗ ở tại Tây Hạ đề là Thúy Việt Đường, vì đó đẹp của núi rừng che râm mát vậy. Cửa nhà xoay hướng Bắc bình thản, đề là Lăng Nhai Môn, chỉ bày đó nhân cao hẳn giảm chánh vậy. Mới đầu đó vào đường tắt của rừng, đề là Tiêu Nguyệt Kính, nêu cao chỗ tiện lợi đó vậy. Thông với suối nước đó, đề là Hạ Lương Tuyền, tức là quý sự tươi mát nóng bức vậy. Để phô bày tâm địa sáng ngời của Tăng xưa trước, nên đề là Hoa nghiêm Tháp, nhằm biểu đức người đó vậy. Chỉ ngọn núi đó cao vút, đề là Tiêu La Lĩnh. Lấy vui vẻ với việc hoang dã, đề tên Đình đó là Ánh Phát đình, tức lấy nghĩa Vương tử kính núi sông cùng ánh phát vậy. Đặt cốc của núi đó là Dương Hải Đảo, là riêng mừng vui quả ấy vậy. Bảng hiệu lâu các đó đề là Thanh Ẩn Các, lấy chỗ đó có thể tĩnh lặng ấy vậy. Đến hiên trúc tịch, đề là Tu Trúc Hiền, tức phỏng tiết tháo đó vậy.

Mười bài vịnh đó là thuộc ở Tịnh xá Pháp Vân. Pháp Vân gá ở trong núi Đại Từ, cách đó thành khoảng mười dặm, phía Bắc trông nhìn suốt tận Chiết Giang, phía Nam trông nhìn hồ Tiền Đường, trải qua nhiều lớp sườn núi, chợt nhiên men theo khe lợ suối, tiếng nước lạnh lạnh, mây cây mịt mờ, sống như từ bên sông hồ đến núi, mà Đại Từ rất là sâu tối. Pháp Vân sân nhà tiểu sái rừng núi cuộn quanh, sầm uất tươi tốt, so với các chùa khác ở núi Đại Từ thì đó lại là tuyệt xuất ấy vậy.

Xưa kia, Lại Bộ lang công làm Thị lang trí chính trở về quê hương,

phần nhiều thích rảo bước các danh sơn, rất vui thích ở đó, lấy đó là trú xứ cao giãm vậy. Cứ mỗi lần đến thì dừng ở cả tuần cả tháng vui vẻ mà quên trở về. Lại Bộ là người danh đức xông tủa khắp thiên hạ. Đã vui thích ở đó, mọi người cũng vãn về theo mà mến chuộng đó. Nên cảnh thắng Pháp Vân bèn vang tủa khắp xa. Trú Thượng nhân còn lấy làm chưa hết vẻ đẹp của núi sông đó mới càng đề cao mười cảnh đó, chăm chăm dẫn các Thi nhân ngâm vịnh đó. Các hàng tiên sanh tấn thân, cùng các Danh Tăng ở Ngô trung nghe đó đều vui cùng làm Phú, tranh nhau lưu xuất từ kỳ câu lạ, mà phong vận như tuông ra vàng đá leng keng, khởi tư duy trong lắng nơi người. Chỗ gọi là thắng khái là càng vang càng tủa, đem truyền đó mà không cùng vậy. Nhưng cảnh vật ẩn mất hay hiện bày cũng do sự ôm kỳ cặp dị của người. Ẩn hiển hay cùng thông hẩn có thời số. Cảnh của mười bài vịnh như thế, bày trải trong núi hẩn cũng lâu xa vậy. Bỏ đặt mà chưa từng hơi phát. Nay Trú Thượng nhân khua động đó, mà thơ các bậc Hiền tủa sáng đó. Há số đó cùng hội cũng có thời vậy ư? Nên, Hiền giả tuy trọn đời ẩn đó, bởi thời mạng vậy, cũng chẳng đủ may mắn đó. Thượng nhân đã vui được thơ của các vị đó, đặc biệt giao tôi làm lời tựa. Nhưng không có nghĩa là có thể nói cùng tận đẹp xinh của thơ đó ấy vậy.

LỜI TỰA THƠ PHÁP HỖ ĐƯỜNG.

Có người khéo giỏi việc, khắc thơ Pháp Hổ Đường đem truyền tủa đó, mà Tịnh Nguyên thượng nhân dự biên đó, tiếp đem việc ấy nói với Tiềm Tử tôi rằng: “May mắn chí ông đó vậy!” Phàm Pháp Hổ đường là một thất nhỏ, ở của Thiền sư Quảng-Bảo Nguyệt vậy. Quân tử khéo đem Pháp Hổ đó mà tự xử, nên làm thơ mà ca ngợi đó vậy. Thơ đó phàm có bao nhiêu bài là do các Tiên sinh tấn thân, cự công vĩ nhân làm nên vậy, cao vượt thù tuyệt chẳng thể được mà bình luận vậy. Như Bảo Nguyệt sống tâm tốt đẹp, ngụ chữa bệnh để mở lớn hạnh đó, Chương Biểu Dân biên thuật đó rất rõ ràng vậy. Tôi chẳng phải luận nữa, chỉ lần lượt phát mở chỗ gọi là Pháp Hổ ấy. Phàm, Pháp là Đạo, Hổ là vui tiện. Đạo hẩn là chánh của trời người. Người mà chẳng tiện Đạo, sao có thể làm Tâm vậy? Phàm, sống chết là đại biến của con người vậy, nếu chẳng phải tiện Đạo, thì không thể ở ngoài biến đó làm chí Thần trọn vẹn vậy. Vinh nhục thanh suy là biến của việc người, chẳng phải tiện Đạo thì không thể thuận biến đó để đến phần an vậy. Ghét thương lấy bỏ là biến của tình người, chẳng phải tiện Đạo thì không thể lý biến đó để đến tánh thẳng vậy. Nên có nghĩa là Đạo không gì chẳng còn

nhất quán ở trong ngoài vậy. Chỉ Thánh Hiền thường dùng Đạo ngưng lăm, sống đó chẳng loạn, chết đó chẳng bạc, ra đó chẳng biến đổi, ở đó chẳng phiền muộn, nghèo bản đó chẳng khốn cùng, giàu sang đó chẳng tham đắm, núi rừng ấy, triều đình phố chợ ấy, chỉ Đạo là chỗ tiện vậy. Tục chẳng đoái hoài Đạo mà lục lục lấy biến tộ đó. Than ôi! Xưa nay đâu thiếu vậy thay? Bảo Nguyệt người đất Hàng, nước đó đất an lạc, phong tục dùng xa xỉ cùng cao, người lớn phương phục, cơ hồ quên Đạo mà hướng theo chỗ chuộng đó vậy. Bảo Nguyệt am thất đó trải qua giữa khoảng chợ giếng, mới kiêu nhiên riêng tu lạc của Pháp Hỷ. Đó đâu chỉ chuyên tự vui đó mà thôi vậy, đó sắp có chỗ học đòi mà khuyên đó ư? Thơ phú các vị ấy thật là đẹp xinh đó vậy.

Ngày mồng tám tháng mười một năm Tân sửu (1061). Tiêm tử đề tựa.

LỜI TỰA SƠN TÝ ĐƯỜNG.

Thiền sư Trí Nghiêm-Nam Tông làm chủ Tinh xá Khánh Thiện, mà ấp nhân thích nghi đó, gần một năm mà chỗ ở đã tu sửa, Bạch Vân Đường người cũng làm mới đó. Lại đem thư mời đồng bạn đó là Khế Tung tôi nói: “Tôi dùng thất hư tiếng trống để tiếp đãi ông”. Gặp lúc tôi mới chuyên ý Thiền tập, biên thuật sách, năm đó bèn đến thăm xem, cửa nhà chiếm nửa ngọn núi, nhưng ra sau chỗ ở đó, cửa sang xoay hướng Nam mở rộng. Phía trước trông các núi liền nhau chập chồng quanh co, cùng với Thiên Trù mây cây mà cùng tỏa sáng, như thấy bức họa đẹp tiêu nhiên khởi phát tư duy sâu thẳm nơi người. Tôi vui vẻ ở đó trải qua cả năm, tâm rất tự đắc, mà việc trần giảm ít. Ngày càng thanh tịnh, nhân nghĩ tên chỗ ở cũ lấy nghĩa rất gần, liền bảo lấy hiệu Sơn Tỳ mà thay đổi đó. Sơn Tỳ là lấy hiệu nơi ở của Cao tăng Huệ Ước thời nhà Lương. Xưa kia, Sa-môn Huệ Ước với đức hạnh cao vời, Thiên Tử rất kính trọng, mà Chu Ngung ở Nhữ Nam mới tạo dựng chùa Sơn Tỳ tại Chung Sơn và thỉnh mời Sư đến ở đó. Nên ngày mà Chu Ngung làm xinh đẹp Sơn Tỳ, Sa-môn Huệ Ước ở mà Thanh phong tràn đời. Như Sa-môn Huệ Ước đáng xưng gọi là bậc Hữu Đạo của chúng tôi vậy. Chúng tôi đáng nên kính mộ đó, kẻ ngu sao dám sánh cùng người đó vậy. Lấy Sơn Tỳ đó để đặt hiệu của Đường, thành thật muốn chỗ đó cũng được như Huệ Ước vậy.

Ngày ba mươi tháng giêng năm Đinh hợi (1047), thuộc niên hiệu Khánh Linh (1041-1049) thời Bắc Tống. Đề tựa.

ĐỀ TỰA THỨ HIÊN.

Chỗ ở của Từ Hóa đô Tăng chánh là tại Bắc Hiên, ở Tịnh xá làm nơi sâu cùng, nơi cửa sang khác rất là rộng sáng. Tĩnh lặng có thể để yên, an có thể để nghỉ, vừa tiện để Từ Hóa vui thích đó, muốn Tiềm Tử tôi đề tên mà nêu cao đó. Tiềm Tử tôi nói với Từ Hóa rằng: “Rõ tánh Sư, mọi người đều có thích, mà thích của ông vui mừng gần Đạo. Đó gần như ngõ hầu ư? Tĩnh là chánh, sáng mới soi, hư rộng mới dung, chỗ làm sâu thẳm mới thanh. Tuy phương trượng đó phòng thất bao bọc chung quanh, chí đạo thì thanh phong hào khí sáng cả đất trời, suốt cả xưa nay. Diệu thay! Ở đời nhân gian mà tuyệt ra sâu thẳm, chẳng hẳn ở tại núi xanh mây trắng, vắng vẻ rộng thoáng không ngăn mé, chẳng hẳn ở đời phô bày phương ngoài vậy. Thượng nhân ưa thích đó, đã có thú của chí đạo, mà Tiềm Tử tôi mới dùng chữ Thú Hiên để đặt tên Bắc Hiên đó, mà văn đó càng phô bày chỗ chuộng tâm chí thanh thắng của Từ Hóa. Tiềm Tử tôi là Khế Tung ở Mạnh Lăng vậy”.

ĐỀ TỰA DU SƠN XƯỚNG HÒA THI TẬP.

Tùng sự Dương Công Tế cùng Xung Hối Ngô thượng nhân đến thăm hỏi Tiềm Tử tôi. Ngày hôm sau lại mời tôi đến ở nghỉ tại Linh Ẩn, lại ngày mai nữa đến ở Thiên Trúc, bèn dừng nghỉ tại Thiên Trúc vậy. Ba người vừa vân du vừa ngâm vịnh được ba mươi sáu bài thơ. Công Tế mời Tiềm Tử tôi đề lời tựa ở đầu. Tiềm Tử tôi nhường lại Công Tế mà nói: “Tôi không dám dẫn trước kẻ sĩ của Triều đình”. Công Tế nói: “Đây là núi rừng, chỉ luận Đạo chẳng luận Thế”. Tiềm Tử ghi lời tựa chẳng phải nhục vậy. Tiềm Tử tôi nói: “Vâng! Tôi sẽ làm lời Tựa”. Nhưng Công Tế và Tiềm Tử tôi kết bạn vốn người Nho người Phật khác nhau vậy. Người tiến tới Quan sĩ, cùng kẻ thối lùi ẩn tàng lại càng khác vậy. Nay cùng nhau ở đây bởi do bên trong đó có chỗ hợp mà như vậy. Công Tế cùng Xung Hối do ham mê thơ nên hợp, cùng Tiềm Tử tôi vì ưa thích núi nước nhàm tiện nên hợp. Tiềm Tử tôi cũng có phần do thơ mà cùng hợp với Xung Hối. Mà Xung Hối lại vì mến thích núi nước nên cùng hợp với tôi. Phàm, trở về núi nước, phong vị đó đạm nhạt lại tĩnh lặng. Trong thiên hạ ưa thích đó có được bao nhiêu người? Nên tôi thuộc được hợp đó thường ít vậy. Vừa thông dong trong núi, gặp gỡ đó cũng là khó có được. Nên ăn khớp đó lóc cóc đó trọn ngày trông nhìn cùng nói nhau là hầu như quên cả hình tích đó, không biết ai là Phật, ai là Nho nữa!

Ở thời nhà Tấn, Vương Tạ Hứa Tử vì vui thích núi nước nên kết

bạn với Chi Đạo Lâm; ở thời Tiền Đường, Bạch Công Ẩn Lô phụ cũng dẫn bốn Thích tử làm bạn phương ngoại. Ý đó há chẳng vậy ư? Hợp với Đạo đó có thể chợt nhiên ư? Mây và Rồng quý do khí hợp, gió và hổ quý vì tiếng hợp. Thánh và Hiền quý vì thời hợp. Vua và tôi quý vì Đạo hợp. Người học quý vì Đạo của Thánh nhân hợp. Trăm thợ khéo giỏi quý vì công việc hợp. Côn trùng quý vì loại đó hợp. Chẳng cùng hợp, tuy Đạo như Trọng Ni, Bá Di cũng không chỗ hợp ở đời vậy. Thiên hạ sao được chẳng trọng chỗ hợp đó ư?

Vừa rồi, hai ông đó lại đã bức thúc hết năm, cảnh núi rậm rà vì ý Xuân. Nhưng thay tạ cùng đoạt chợt râm chợt sáng tạnh. Sáng thì mây trắng mốc xanh vẩn vẻ như vậy, chiều thì băng thừa tuyết ánh như vậy. Suối bay lạnh lạnh như sương ra vàng đá. Rừng tối hương mai hoặc ngưng hoặc tan, cây có chim hót, suối có cá bơi. Mà hai người đó đam mê núi nước thì chỗ ưa thích càng được, đam mê nhân tiện thì tình đó càng vui. Thẳng khí thấm khắp mà lại phát u hứng ưu du cuộn quanh, ngoài ra ngâm tiêu tự nhiên. Tuy người bên cạnh thấy đó, không biết sở dĩ họ làm vui vậy; khách ngồi tiếp đó, không biết sở dĩ họ làm được vậy. Riêng Tiềm tử tôi sắc xanh che phủ, may đi cuối đó, mà nói với đó rằng: “Vui của hai ông chẳng phải chỗ vui của thế tục, được của hai ông chẳng phải chỗ được của thế tục vậy. Đó là khiết tịnh tiêu diêu, việc vượt ngoài đua tranh trần lụy vậy, trọn đó có thể vậy”. Nhân bình thơ đó mà nói: “Thơ của Công Tế là Thiệm, Thơ của Xung Hối là Điển. Như Lão lệ nhã kiện thì khí đó cách cùng cao vậy”. Tiềm Tử tôi thì im lặng, vì đối với thơ là chẳng chuyên, tuy nhạ yếu bệnh vụn đó, xa chẳng kịp hai ông, đâu có nghĩa là hết không ý đối với hứng vậy!

LỜI BẠT DU SƠN XƯỚNG HÒA THI TẬP.

Công Tế mới đầu cùng Tiềm Tử tôi ước giao làm lời tựa và lời bạt tập thơ. Tiềm Tử tôi chẳng tự biết lượng, đã mở đầu mới đó. Công Tế mới khiêm nhường, chẳng lại làm đó, nhưng ý của thơ, lời tựa nói chưa hết. Mới đầu Công Tế thấy thơ gặp tuyết ở trong núi của Tiềm Tử tôi, mến đón lẽ đó cùng riêng đến nói là Tiêu lệ có phong của Cổ nhân, bèn khí khái rút thơ trong tay áo Xung Hối mà tìm đó, ý lưu lại trong núi cùng cực thực quanh co. Tiềm Tử tôi cũng vì Công Tế đã vui mừng thích ý phi thường đó. Lại chẳng tự bó buộc giữa hai bên vui mừng cùng Du vịnh. Tiềm Tử tôi là Thiên giả ít vì tư lự loạn lạc, ở Ngô Trung hơn hai mươi năm, tủi nhục các Sĩ Đại phu vân du theo vài lần vậy. Như Cố Thị lang Lang Công đến trông nhìn đó rất sâu dày. Lang Công lại do thi

danh mà hiển bày trong thiên hạ. Tiềm Tử tôi kính phụng hòa xướng đó, cũng chẳng thuộc loại phóng tứ ngày nay, mà chẳng tự cần trọng đó. Nhưng Tiềm Tử tôi tuy hấn bình sanh lớn lên muốn mong ở cao giãn nhĩ tố, như Chi Đạo Lâm, Tuệ Viễn ở Lô Sơn làm người phương ngoài, lo lắng sức chẳng đủ kịp đó. Tuy nhiên già vậy mà tôi cùng các vị phương bào chịu cùng vui mà theo cùng vân du đó, được mấy người vậy ư? Công Tế là nhà Nho tài tuấn cùng với tôi khác giáo mà cùng ân cần tốt lành như thế, đây chẳng cùng cần vân du và ngâm vịnh thì ai cùng vân du ư? Xướng hòa gồm cả thủy có sáu mươi bốn bài. Mới đầu ở trong núi vân du ngâm vịnh mà thành được ba mươi bảy bài, sau đó giả biệt nhau, mà các ông vẫn nghĩ nhớ gởi nối tiếp xướng vịnh qua lại được hai mươi bảy bài, đều biên ghi đó làm thành Tập vậy.

Ngày mồng năm tháng hai năm Kỷ Hợi (1059) thuộc niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống, Tiềm Tử tôi lại ghi đề.

ĐỀ TỰA GIỚI NGUYỆT THƯỢNG NHÂN ĐỐI CHỮ

Thượng nhân tên là Hiếu Nguyệt tự là Trúc Khanh. Tôi cho là chữ đầu đó nghĩa không xứng đáng, không thể dùng làm Huấn nghĩa, nên dùng Công Hối để đổi đó. Tên dùng chữ Nguyệt, bởi lấy cái nghĩa cao sáng đó vậy. Nhưng sáng không thể trọn sáng, hấn nhận chịu đó vì tối (Hối). Nhật nguyệt trọn sáng, thì đạo của ngày đêm chẳng thành, nên nhật tối ở Âm mà Nguyệt tối ở Dương vậy. Trời đất là chí minh (sáng cùng tối) của Nhật Nguyệt ấy vậy. Thánh Hiền sao có thể trọn nhọc sáng đó ư? Thánh Hiền trọn sáng thì Đạo của động tĩnh, tiến thối hấn không đủ Pháp ở thế gian vậy. Nên Thánh Hiền thời xưa trước sáng ở Hữu vi mà tối ở Vô sự vậy. Thuấn sáng ở chánh trị mà tối ở được người, vì nhường thiên hạ. Văn Vương, Kiến Ky Tử sáng so cùng cứu trừ mà tối ở đại nạn. Chu Công sáng ở Phụ tướng mà tối ở thành công. Khổng Tử sáng ở văn của Xuân Thu sáu kinh mà tối ở Lữ nhân. Nhan Tử, Mạnh Kha, Tử Tư, Dương Hùng đều cùng cao vọng mà sáng tối ở đời sau vậy. Nên sự nghiệp đó rất lớn, đạo đức càng dương tỏa, làm Pháp ở đời mà muôn đời truyền đó.

Nay thượng nhân là người có khí thức, sáng ở làm học biết Đạo, đó sắp có chỗ tối ư? Thượng nhân chúng tôi ấy cùng sự vật ở thế tục xa với chẳng tương tiếp, lại càng nên tối vậy. Tôi đối với Thượng nhân là người xưa cũ vậy, cách biệt nhau mười năm, cuối cùng được pháp từ Lang Da, lại gặp ở Ngô trung, xét xử tâm đó không tịch, hay ngoài nơi thân thể mà chẳng lụy được mất phải quấy đó, thật chỗ gọi là hay hưởng

hối ấy vậy. Chữ (= Tự) đó dùng Hối (= Tối) ước cũng phát tích từ áo nghĩa đó vậy. Một sáng sớm vì Đạo trở về thăm thấy chỗ thân quen, đòi văn làm giả biệt, nên đầu tựa dùng chữ đó mà tặng ấy vậy.

ĐỀ TỰA CHU CẢM CHI ĐỐI CHỮ.

Chu Quân mới đầu tự là Cảm Chi, tôi cho rằng nghĩa đó chưa cùng cực, xin dùng chữ Thành Chi để đổi đó. Chu Quân tên là Ứng, nhưng muôn vật không gì lấy theo loại tương ứng mà chẳng thể ứng, chẳng đồng loại vậy. Chỉ người thành thật mới có trời đất khác loại tương ứng. Nên thành thật ứng là công của ứng vật vậy, còn loại ứng là tư của ứng vật vậy. Tư thì ít được, mà công thì ít phu. Quân tử xấu hổ mất chỗ ở một vật, cho nên Quân tử quý thành thật ứng thiên hạ vậy. Thành thật ấy là nghĩa của Chí Chánh vậy. Dịch nói là “Trung Phù”. Trung phù tức là trung chánh ấy vậy. Dùng nhu đó mà chánh bên trong, dùng cương đó mà chánh bên ngoài vậy. Huống gì dưới mà thuận với được Đạo đó của Âm Dương vậy. Suy ở nhân sự thì có thể do giáo Đại tín. Thiện nói là hóa bang vậy, heo cá tốt, tin đến heo cá vậy. Trung phù do lợi trình mới ứng với trời đất vậy. Nghĩa của Thành (thành thật) cũng chẳng là Chí (thấu đáo) ấy ư? Chu Quân mới đầu tôn thờ cha mẹ thì người trong làng ngợi khen hiểu đó, đến lúc làm quan thì liêm minh, trải qua Quan phẩm phạm một Bộ một Ủy. Người đó nếu là Sa-môn áo vàng, Nho sĩ áo trắng đều vui mừng nhân đức đó. Đó nếu chẳng phải đem Thành thật mà đãi vật thì sao có thể thiện đó như thế ư? Mà Chu Quân nhọc ở Huyện Lại trải qua hơn mười năm, tự chẳng đó thắm khắp ngưng trệ mà cầu thả tiến cử ở biết mình. Hỏi đó thì nói là mạng vậy. Quan sĩ mắc bệnh chẳng làm chính, đầu miệt mài ở người biết. Đó lại thấy thành thật đó thấu đáo vậy. Chỗ gọi là Thành đó cũng chẳng thích nghi ư? Đã mới đầu Chi mà lại cuối cùng cũng Chi. Chi đó nghĩa là Thành vậy. Thiên hạ vì thành thủy chung do đó lớn dày mà cao sáng. Thánh nhân vì thành thủy chung do đó lưu truyền pháp của muôn đời. Tuy nhiên, Thành của Quân tử suy ở chỗ tự đắc đó, tạm thời họ giàu sang vậy, chẳng vì kiêu dật. Họ già vậy chẳng gì rồi ren tám chín mười. Họ uống rượu mà chẳng vì say loạn. Đoán đoán ở “thủy” đó là phải, ở “chung” đó là phải, thì Đạo của Thánh Hiền được chỗ truyền vậy. Đức của Chu Quân sắp chẳng khuyết mà được trọn vẹn đó vậy. Tên đó vang ai có thể diệt mất? Tôi cùng với Chu Quân đều là người phương Nam, lại đặc biệt bạn lành cùng nhận biết sâu sắc mà lại rõ ràng vậy, nên nhân chữ dùng làm tên tự mà gắng gỏi đó.

ĐỀ TỰA ĐƯA TIỀN ĐIỀU GIÁ BỘ ĐỀN TÂM DƯƠNG

Giá bộ Điều Công sắp đến Tâm Dương, trên đường hản ngang qua đất Yến (Yến là quê hương của tôi). Tiềm Tử tôi muốn nhân người theo đó mà gửi thư. Người bác họ tôi là Lý Chủ bộ Điều Công, chẳng do hiền đó mà tự cao, mới lại gửi thư nhiều trang, rất mực ngợi khen Tiềm tử tôi khéo dùng bút, rộng xem Lục kinh mà biên thuật sách, phát huy pháp đó để chánh người học trong Nhị giáo. Cho rằng, tuy như các Đại thiên Cự Sư ở thời xưa trước, chưa có ai toàn vẹn như Tiềm tử. Đó rộng mà lại lớn vậy. Điều Công đó cấp dẫn người làm thiện, muốn khiến họ đạt đến thấu đáo vậy. Tiềm tử tôi không cho như vậy, há quả như vậy ư? Tuy nhiên, mới đầu Tiềm tử tôi biên thuật sách Nguyên giáo, tâm đó thành thật làm cho kia chấp văn tập lý ấy vậy (Chấp văn là Nho giả, Tập Lý là Thích giả, tập dùng tục ngữ để dụ Pháp đó. Đó là thư của Điều Công gửi lại nói vậy). Cả hai đều tộ Đạo mà chẳng tự phát minh, vừa muốn cứu đó vậy. Sách đó đã lưu xuất, tuy bốn phương vừa truyền, mà học trò người văn thì vui với văn của tôi, người không phải văn thì chẳng biện rành đạo của tôi, cũng lại chẳng thấy chỗ hướng đến thấu đáo của Tiềm tử. Tiềm tử tôi riêng không có học trò, cùng giảng cầu còn ngờ ngác, âu lo Đạo đó chưa rõ ràng đối với người vậy. Đạo của Tiềm tử tôi là Đại bản của sanh linh, là rốt ráo (= Chí) của làm thiện trong thiên hạ. Nếu gốc đó không tỏ sáng thì chí đó chưa xét, người trong thiên hạ muốn chỗ kết quy đó là gì? Kể sĩ hành đạo sao nhân mà chẳng xót xa ấy ư? Nên Tiềm tử tôi thường chẳng trốn lánh sự chê cười của lưu tục, mới đem sách đó mà cầu thông ở các bậc Thiên Tử, Tể Tướng Hiền Sĩ Đại phu, là bởi vì đó vậy. Nhưng các hàng Tiên sanh tiến thân đều biết, tâm của Tiềm tử tôi như vậy có được bao nhiêu người ư? Điều Công mới nói là pháp sở đắc của ta như đó vậy, chỉ chỗ làm lại như vậy, dẫn nêu Cao tăng cự sư của thời xưa trước để cùng so sánh đó lại như đó vậy. Há chẳng phải vì đó mà biết mình ư? Cùng biết đó sâu chẳng? Điều Công mới đầu dùng Đại thần tiến cử, tự mặc áo vải đi chân không, chẳng do khoa thường mà thẳng đất cao vào Quan, văn chương tài nghiệp trác việt hơn người có thể biết. Nay lại ra Tâm Dương, Tâm Dương thuộc phương Nam vậy. Tiềm tử tôi người phương Nam, tập học biết được núi nước phong tục rất rõ ràng, hãy vì ông mà nói đó. Lãnh ngoại, từ phía Đông của Ung Quán, phía Tây của của Triều dương, phía Nam của Quế lâm, phía Bắc của Hợp phố bao quanh vài ngàn dặm, nước nhà chính giáo khắp đủ, tức sương móc tuyết mống đó thấm đượm đã nhiều, khí bệnh dịch tiêu mất chẳng phát. Dân tốt vật quý ngày một xuất hiện,

phong thổ đó ngày một đẹp xinh. Cây hương rừng quế hoa báu quả kỳ (Hoa báu quả kỳ là người phương nam xưa trước xưng gọi), danh phẩm khác lạ liên tiếp tốt tươi mà quanh năm chẳng tuyệt. Như Ngô, Đãng, Dung, Tâm, một số quận đều men sông. Núi Ngũ Đái, núi rất đẹp xinh, sông rất trong sạch, có động phủ Thần tiên, có lầu quán nhà Phật. Thôn ấp thành quách trông liền nhau, mà người khói cuộn quanh sớm thôn tối dương, đang trời đất lắng tạnh thì khí tượng đó thanh thấu như tranh họa đồ. Nhưng tục đó chất phác, người đó thuần hòa, ít tranh tụng mà biết ngấm dần ảnh hưởng phương. Tôi biết Diêu Công trị dân đó, thì hóa của Nhân nghĩa đó dễ hành, đến cảnh đó thì chí thanh minh đó càng được. Diêu Công tâm thông, lại hay dùng đại đạo tự thắng. Sự thuyết phục giáo của Tiềm tử tôi cũng nhờ đó mà càng được lan truyền vậy. Đợi công phân sắc chiếu trở về lại phương Bắc, sẽ cùng một số người được đạo này. Có bao nhiêu người đó ư? Đường sá trên dưới, khổ nhọc của thuyền xe, ngài nên tự tiện lợi, tự thận trọng đó.

ĐỀ TỰA THƠ ĐƯA TIỀN QUÁCH CÔNG PHỦ TRIỀU PHỤNG.

Quách tử mừng vui đạo của Tiềm tử tôi, muốn giúp đỡ để chánh tu từ lập thành đó, Tiềm tử tôi có thể đáng chăng? Quách tử là học trò của Tiên sanh tiến thân, mới riêng có khả năng nhắc lên đạo phong của Cao thế. Khá trọng, khá then! Tôi nói chẳng đủ để cùng giúp đó. Nhưng Quách Tử tuấn sáng thiên tài vượt phát, thuở thiếu thời thì hay làm ca ngâm, tiếng nhiều trăm ngàn lời mà khí đó chẳng suy, thể đó bình đạm. Vận điệu vút cao xưa, cách lực ưu thiêm. Nhiều nhiều càng công, ngậm muôn tượng ở đầu ngòi bút, động đó thì từ cú kinh xuất mà không cùng. Cùng khách người nghe lời tụng đó, tuy cả ngàn từ hẩn ghi nhớ, ngữ vận thanh xướng như tuông ra vàng đá, khiến người kinh đông mà ưa thích đó. Tuy như Mai Thánh Du, Chương Biểu Dân lấy làm quý (cuối cùng) Thái Bạch phục sanh dùng thơ trang bày đó. Khắp bốn biển chín châu các bạn đồng học chưa ai biết Quách Tử là hạng người gì, các Công Khanh Triều đình ai từng thấy thanh của Quách Tử như vậy ư? Phàm, rùa, rồng, lân, phụng, đó cũng là vật vĩ kỳ vậy, khiến nó ghé dính nơi bàn đất, gá nơi gai gốc, thì đó là chỗ tiếc của Quân tử. Tôi sợ Quách Tử hết phải quần quanh, ngoài ra hư dối cùng đời chìm nổi, nhân lúc giả biệt nên làm thơ phú để cầu chúc đó:

*“Đá trắng tạc tạc
Chứa mỹ phái ấy
Quân tử đạo tôi*

Quân tử đó vui,
 U nhàn rờn rờn
 Khua dáng đẹp ấy.
 Thục nhân chẳng hiện
 Thục nhân chẳng khuyết
 Chỉ là tác vuông
 Làm gốc của đó
 Trái đó vật lay
 Cùng đó vật loạn
 Lắng đó gom đó
 Lắng lắng buồn buồn
 Nước nào trong lắng chừ!
 Khá sức khá rửa
 Núi nào thâm lắng chừ!
 Khá nghĩ khá tiện,
 Sao thiếu ở yên
 Sao thừa làm đầu".

ĐỀ TỰA BÀI CA ĐƯA TIỀN BÍ THỪA VƯƠNG TRỌNG NINH.

Năm trước có sắc chiếu cử Bí tể Vương Hầu đến chấp tế huyện Phù Phong. Vương Hầu vì chịu tang cha tại Thiển thổ, nên xin đợi phong dựng mà sau sẽ đến Quan. Triều đình tốt đẹp đó có con đạo, theo đó lại bảo là: “Lễ xong phải vâng mạng đến Triều đình”. Bấy giờ các hàng Nhân sĩ ở Tiền Đường mến mộ Vương Hầu làm quan có tiếng tăm nên cùng nhau bàn nghị rằng: “Phù Phong là đất Tân, mới làm Nhung Địch kinh động, đâu nên đến đó. Chẳng bằng Thiên Tử đưa Vương Hầu lại cho nước ta”. Người nhận biết chẳng phải đó thì nói: “Đó là tình của người thường, chẳng phải nghĩa là biết Hiền ấy vậy”.

Phàm, Vương Hầu là bậc Hiền mà có khí thức, đọc sách tham tâm Đạo của văn võ, phát khẳng khái lập đại tiết, mới đáng làm gương cho Đại hình của nước nhà, dẫn giết trừ hung xu để trị từ lý thái bình. Đó hẳn phần nhiên để so sánh tài năng đó. Há chịu tục lụy theo mọi người, tạm lánh khó khổ, để tìm sự yên ổn nơi đất lắng? Hoặc nói: “Triều đình vì Vương Hầu lâu khuất ở những cục, tạm phát Hiền tướng đó để nhận hiển quan ư? Trong năm Tân Ty (1041) đang lúc nắng nóng, quả nhiên từ Tân Định lại sắp đến kinh đô, trên đường ra Tiền Đường, Tiềm tử tôi nhân ca ngợi ý người bàn nghị, nên lấy làm bài ca riêng rằng:

“Chí của Hiền hào chừ! Thoát lược chẳng buộc

*Gắng cao xa vời chừ! Tục đâu dễ biết.
Thích thẳng Đại tiết chừ! Gặp việc không đổi thay,
An thật bại danh chừ! Quân tử xấu hổ làm
Cửa trời rành biết chừ! Cung điện sâm sai Vương
Hầu Chưa chí chừ! Sắp phát kỳ trong nảo, Biển
Tần mênh mông chừ! Lũng thọ y y
Vương Hầu đến ở chừ! Quyết đi chẳng từ
Ban kia một Ấp chừ! Khiến dân nhọc mệt
Cũng nuôi Đức kia chừ! Vùng ven Thanh Tân.
Đang yêu khí lớn chừ! Cảnh vận thêm sáng
Công danh cùng lớn chừ! Ngàn năm tốt tươi”.*

ĐỀ TỰA THƠ TIỀN ĐƯA CHU CẢM CHI VÀO KINH.

Cảm Chi vì chịu tang cha nên nghỉ việc Quan, mượn thuê nhà ở Tiên Đường để ở ba năm. Tuy không vác đá chất chứa, chưa từng bước chân đến nhà quyền hào, để tiếng tăm đó đến cùng, tiếp đón giao du, dùng bằng thành thật, không cậy dùng tài, nên các người tương giao đó hoặc là kẻ Sĩ Đại phu, mà dưới đài cả người trong xóm làng, biết hay không biết thảy đều xưng Hiên với người đó. Nhưng đó chưa đủ để biết Cảm Chi ấy vậy. Phàm, hành đã tự tin, thì Đạo đó chẳng vọng cùng người biện giải. Đến như cùng đạt cũng không vượt đáp tiết nghĩa, đó cũng là Thường đạo của Quân tử ấy vậy. Bởi các hàng lưu tục khinh thường ương bướng chẳng thể giữ đó, nên họ kết quy xinh đẹp ở Cảm Chi ư? Như Nhân nghĩa của Cảm Chi xuất phát từ Thiên tánh đó, đọc sách làm học thức độ sáng xa, luận Lễ nhạc Hình chính xưa nay. Ý chỉ đó đáng chững, không có gì chẳng phải, khiến đó đặc chí hành ở một ấp một châu, một nước nhà trong thiên hạ, hẳn có thể chính nghĩa, ban ân cho trăm họ, khiến người không oán vọng, đâu chỉ tự tín mà có tận cùng làm Hiên ư? Thuở nhỏ, tôi cùng Cảm Chi biết nhau rất sâu sắc, thường búi ngủi không sức lực để trải bày đó. Nay Xuân Phục khuyết, lại điều ra làm quan tại kinh đô, mong cũng sắp trở lại Lô Phụ, tiếc đó vì cách biệt xa vời, nhân làm bài thơ để giải bày tư tưởng quyến luyến rằng:

*“Cùng ông rong chơi chừ! Tâm tôi thên thên
Cùng ông giả biệt chừ! Tâm tôi thêm lo buồn,
Ông cất bước đi chừ! Xuân thủy mênh mông
Trời xanh chín tầng chừ! Mây khuyết thên thang,
Khí trông hào hoa chừ! Tiếp cánh liệng bay
Hoài đức riêng tới chừ! Ai người cùng dương,*

*Gạo quý như ngọc chừ! Củi thợ cày Quế
Kinh Quốc chín hươu chừ! Sao làm chỗ giúp
Giang Nam tháng năm (05) chừ! Cỏ Dao bờ dậu
Sớm về lại chừ! Yên tương tư đây”.*

ĐỀ TỰA THƠ TIỀN CHU CÔNG TẾ

Ngày trước, Tiềm tử tôi ở Tầm Dương, Công Tế thuở nhỏ theo học chỗ bạn tôi là Chu Thúc Trí. Chuyên học mà trầm lắng rõ hiểu, nói năng không phát vọng, chẳng đồng như các bạn học. Tiềm Tử tôi thường nói cùng Thúc Trí rằng: “Tầm Dương núi sông khí tượng thanh thuần, thích nghi un đúc ở người đó. Học trò ở đây, trong các người con của nhà họ Chu, nghi rằng Công Tế được đó vậy. Tôi thấy Công Tế học ở chỗ thành vậy”. Đến lúc Tiềm Tử tôi giả biệt Tầm Dương hơn mười năm, quả nhiên nghe Công Tế đỗ đạt Tiến Sĩ, sau đó lại nghe do Hiền giám ty Lý Công tiến cử nên được chấp tể tại Kiến Đức, chưa đầy một năm mà khắp đường xá lan truyền làm Hiền lệnh. Mùa thu năm trước nhân có việc đến đất Hàng, mới quyền Tiền Đường, bèn được lui tới trong núi, thấy Công Tế trị dân ít dùng lại thuật, phần nhiều dùng Nhân nghĩa. Thấy việc cung kính mà chuyên cần, hành đã đoan chánh lại liêm khiết, cùng người tương giao lâu mà càng kính, chưa đầy tháng trời mà người ở Hàng châu tự nhiên cùng ngợi ca. Tiềm tử tôi trộm mừng, may mắn ứng nghiệm của lời tôi nói xưa trước vậy. Nhưng ngợi ca Thúc Trí là bậc sĩ có đạo vậy. Bình sanh rất ưa thích dùng nhân nghĩa đến với người kích động giữa mài phong tục đó. Buồn tiếc Thúc Trí đã sớm qua đời, không thấy được sự dựng lập của Công Tế ngày nay. Tuy nhiên, Công Tế đem lại vốn tự được, đâu phải là ngu dốt nhờ ở Thầy Hiền khéo dẫn dắt hỗ trợ đó ư? Gặp Tiềm tử tôi mới đầu lấy truyền Đạo làm chí, chỗ tích chứa chưa tỏ bày. Công Tế lúc bình sanh sức làm do tôi khua động đó. Công Tế vừa thành thật lại chuyên cần, tuy các bậc tài sĩ kháng khái ngày xưa trước cũng chẳng qua đó vậy. Sắp giả biệt, ý mong lung rất cảm mến đó, mới làm bài thơ để tặng Công Tế đi đó. Lời thơ rằng:

*“Khí tốt ngàn ngút chừ! Tại như thân của người,
Tôi xưa xem ông vậy! Cao khác chẳng bạn đồng
Nghiệm dấu vết trị vậy! Nay đã tỏa sáng rực
Buồn thầy của ông chừ! Không thấy phong Quân tử.
Sắp phải biệt ly chừ! Ven sông
Rã bước song khuyết chừ! Ngàn dặm*

*Đế tòa rứt rờ chừ! Cửa ông nghiêm sâu
Gắng tự tiến tới chừ! Chớ để chìm cạn”.*

ĐỀ TỰA TIẾN ĐƯA BÍ THƯ CHU CẢM CHI TRỞ VỀ PHƯƠNG NAM.

Từ Hàng Châu cách giao đất rộng, ra Giang Nam ụ trạm dừng nghỉ năm sáu ngàn dặm. Chuyển đi bằng đường biển gặp gió thuyền đi được mỗi ngày ngàn dặm, không vậy thì dừng lạc đến đảo khác trải qua cả tháng năm dài, nên người từ phương Nam đến đất Ngô thường lấy đó làm khó khổ. Nay có khách ở Tiên Đường đã thấy hai mùa Xuân vậy, thấy người lại từ phương Nam có phần hiếm ít. Tháng ba năm Canh thìn (1040), có người khách vì Chu Úy (Chu Cảm Chi) đến bảo với tôi rằng: “Úy đến nhận phong người vậy. Ông sao thấy đó ư?” Một sáng sớm tôi đến nhà đó, gặp lúc Úy đi vắng, trở về trong lòng cứ mãi áy náy không yên. Vài ngày sau, quả nhiên Chu Úy dẫn theo tùy tùng hỏi tìm đến nơi tôi ở. Vào Thất cùng trò chuyện việc quê hương rành rẽ trong sáng cả tai mắt. Bình sanh như nói xưa cũ, gắng gỏi mà chẳng thể dừng nghỉ, áo ôm bằng phẳng, thấy đó làm người có Đại thể. Tới chiều tối mới dẫn đi, tôi mới lấy làm lạ đó, nói với người có nhận biết rằng: “Úy dùng văn từ phấn phát lời thể, chẳng phải do Tiến Sĩ được Quan không làm vậy”. Thường tứ cử khuất ở Hữu ty mà chẳng biến đổi tâm đó. Đến lúc được đó, cũng chưa từng vì chỗ làm Quan xa so với nhà mà nhường Quân mang. Do vì kinh đô như quê cũ, nghinh đón người thân đó mà đến ở Tiên Đường. Đường xa cả muôn dặm, chẳng vì lộc mỏng bạc chưa lắm có sức làm nhọc, ở Quan quá liêm khiết, tuy nước uống hẳn muốn mua. Phàm, Kẻ sĩ lo lắng không có tiết tháo, chẳng lo lắng không lập. Tạm sáng sớm gặp phải việc phải làm mà chiều tối mất chỗ giữ đó. Gà gáy ngâm nga, cỏ thi thích tạm dung chẳng rãnh, đáng chỗ lợi thì tranh giành, chỗ không lợi thì khước từ, cách làng xóm chưa tới trăm dặm, thì trọn ngày ân hận tỏ vẻ nữ nhi, lại sao mong danh tiếng lớn, vết tích hay rứt rờ soi sáng thiên hạ đến đời sau như Chu Úy ấy ư? Gìn giữ tiết tháo đó, thủy chung chỉ một, cũng chẳng thật khảng khái Đại trượng phu ư? Tôi nghe các bậc già lão xưa tương truyền rằng: Phương Nam toàn Dương có được người khí khái chân chánh đó, hẳn cứng mạnh trung chánh mà thông minh. Tôi đối với Chu Úy đều là người ở phương Nam vậy, riêng chỉ khiếp nhược mờ tối không một khéo để tự phát tánh thuốc đó, lại chẳng thể kiển nhiên cao tạ cùng vật bàn bạc ở một đời. Thấy Chu Úy như vậy mà chẳng thẹn chỗ sanh đó ư? Nhân vì khởi phát tình quê cũ,

há chẳng phải chỗ Trang Chu gọi là cách người càng xa mà nghĩ tưởng người càng sâu ư?

ĐỀ TỰA TIỀN ĐƯA LÂM DÃ PHU TÚ TÀI TRỞ VỀ TRIỀU DƯƠNG

Ở đời ngợi ca Triều Dương có nhiều Quân tử, mà giòng họ Lâm rất thịnh. Tôi mới đầu gặp thân phụ của Dã Phu làm Điền tào ở Hàng Châu. Trông thấy đó rộng sáng thuần túy sức hành Đạo xưa làm chính, chẳng so le trang sức việc quan lại, mới tin người ngợi ca đó không dối tốt lành vậy. Lại gặp quan Phạm Dương, Lô Nguyên Bá nói về Dã Phu kính trọng thân phụ rằng: “Tiên sanh Tốn là người vừa mới sanh mà biết vậy. Học sáu kinh, tham tâm trăm nhà, thấy đều hay nghiên cứu tận cùng, bao nhiêu Đạo của Thánh nhân, cao vợi tự đắc. Vì cho rằng Dịch là Đạo đủ cả Tam cực, tích chứa của Thánh nhân, riêng bệnh giòng họ Dương Hùng muốn sáng tỏ đó mà cao vợi ấy chưa thấu đáo. Nhân trứ thuật Thảo Phạm sắp vì làm Đại minh thủy chung của Dịch Đạo vậy. Lại cho rằng, hưng vương là lẽ nhạc làm lớn nên lại trứ thuật sanh lẽ nhạc để chỉ bày mới đầu của Đế Vương trị chính. Vốn làm Nho chẳng miệt mài ở giàu sang, mà cao tiết xa vợi, tìm phong giáo của Thánh nhân xưa trước”. Tôi lại càng tin sự hưng thịnh của giòng họ Lâm ấy, có thật tại vậy. Đến lúc Điền Tào mãn hạn sắp đến dưới khuyết. Mà Nguyên Bá theo phương Nam trở về, Tôi cũng theo hướng Đông đến Cối Kê. Qua hai năm sau, tôi lại đến Hàng Châu. Lại nghe Điền Tào cảm mắc bệnh ở kinh đô, ông có đến ở để tang ba năm, Dã Phu quả nhiên nâng đỡ di cốt về an táng ở quê nhà, đi thuyền theo Ngô giang mà lại. Ngày khác tôi đến viếng điệu đó, Dã Phu, Bá Trọng đều buồn cảm gây ốm, gần như không giăng nổi đau buồn đó. Đến lúc hiểu sự đã xong, Dã Phu lại nói cùng tôi rằng: “Ông sao ca để tặng tôi trở về?” Tôi nhân nghĩ suy giòng họ Lâm ở Triều Dương là rất thịnh. Ca làm sao hết được đẹp kinh đó, chẳng như dùng từ mà trái bày đó. Tôi nghe, trời xanh Hiền giả nên dùng thay thơ trời, khiến phụ cùng Đạo của trời đất, đó là Hiền giả nên sống thọ lại hiển bày địa vị có thể vậy. Nhan Uyên chết yếu, Bá Ngưu cảm bệnh, Mạnh Kha trắc trở, Tuân Huống, Dương Hùng lạc chớ ở thời, Giả Nghị, Đồng trọng Thư vài đồng bạn cùng trông mà chẳng may mắn. Không biết vận vật là trái ý nào ư? Như nhân đức của Điền tào Nam an, trí thức của người em đó, minh đức chưa đến tuổi hai mươi đã đại thí, mà chết đều đủ tuổi. Tuy kẻ Sĩ minh triết nghe đó, ai chẳng lấy làm lằm hoặc ư? Hoặc cho là tuổi thọ của giòng họ Lâm

chẳng ở tự thân đó mà ở con cháu đó ư? Nghe Dã Phu dùng mũi nhọn lóc thịt đùi về để trị bệnh cho cha, muốn cha lành khỏi bệnh mà trọn không như chí ý. Quân tử cho đó là thuần hiếu vậy! Dã Phu tạm có thể đốc suất Bá Trọng đó giãm trái Nhân hiếu của Điền Tào, đồng chí học của Tôn Tiên sanh, thì tuổi thọ của giòng họ Lâm đó sắp có ở thuần dốc, thật tỏa sáng càng lớn ở sau. Nguyên Bá cũng là có đạo ấy vậy, đối với Dã Phu làm anh em rể, tạm cùng đó xây dựng gắng gỏi danh tiết, thì thanh của giòng họ Lâm tốt đẹp vậy. Đâu chỉ sáng rỡ ở Triều Dương trong ngày nay, mà sẽ tỏa ngời khắp thiên hạ ở đời sau ấy vậy!

ĐỀ TỰA BÀI CA ĐƯA TIÊN SƯ PHẠM TÀI CÁT VỀ THIÊN THAI.

Phàm, làm Phật là tu đạo xuất thế, nhân dùng thanh tịnh tự giữ, chẳng giao tiếp với thế tục. Chẳng phải vì giáo dục đó suy ở đời khuyên ở người, đâu thích nghi cùng ở nơi nhân gian rong ruổi ư? Đại sư Phạm Tài thuở thiếu thời dùng thơ ngâm ca ở chốn Kinh đô, sau về Thiên Thai cùng chuyên cần tu đạo với tôi, mong một sớm mai nghĩ đem Phật sự khuyên các hàng Tiên sanh tiến thân. Năm trước đến ở Hoài Điện, Triết Tây, gặp gỡ các quan khanh Đại phu có tiếng tăm đối với người đều vui theo việc đó, chẳng những đến số trăm. Đó nếu chẳng phải tinh thành dốc chí suy tôn ở nơi chân giáo Diệu đạo của Thánh nhân, thì sao có thể được các hàng Quân tử nhân hiền đông nhiều như vậy ư?

Than ôi! Tôi là người có vào ra nơi cửa nhà người quyền hào, rảo bước đến đường thế lợi, đức chẳng đủ để khơi phát niềm tin của người. Nghi ngờ nhưng mà chẳng nói, hủy hoại mà chẳng biện bày, ngâm nga chỉ hang huyết quỷ quyết, cùng lấy Phật làm đùa vui. May nhan sắc đó gá nhờ sự thế đó, để tạm lợi của một thân mình, đến chết chẳng đoái hoài giáo đạo là kia nghe Phong của Đại sư, thích nghi gì làm Tâm ư? Tôi lấy làm lớn lao thay! Chỗ làm của Đại sư Phạm Tài Cát, nên có lời ca để tặng đó trở về. Ca rằng:

*“Như ông lại chừ! Hiền tuấn cùng nghinh
Như ông về chừ! Thắng sự báo thành
Sắc xuân đẹp chừ! Gió Xuân nhẹ nhẹ
Nắm áo mây chừ! Rảo bước đi xa
Thiên Thai vút cao chừ! Khí tượng trong lành
Nghiên thân thưởng tiện chừ! Thôi bày phù danh,
Kia theo lợi quên Đạo chừ! Thời tình lưu tục.
Đã mất bọn tôi chừ! Sao đủ cùng bình luận!”*

ĐỀ TỰA TIỀN ĐƯA PHÁP SƯ CHÂN TRỞ VỀ LÔ SƠN.

Tôi xa rời Tâm Dương năm năm, mà Pháp sư Chân Công từ Lô Sơn đến gặp ở Tiên Đường. Nghe Pháp sư mới đến, vừa mừng vừa kinh sợ, bởi Pháp sư từng chẳng đoái hoài chỗ được của Tể tướng, vén áo vượt hào vào trong núi. Pháp sư thề trọn đời không đặt chân đến cảnh tục, nay vì sao mà lại vậy? Đến lúc cùng trò chuyện, mới biết Đại sư tính làm tháp Phật, chẳng phải vì việc thường mà đổi thay chí nguyện đó. Tôi ở tại Tâm Dương thường cùng Chu Thúc Trí bình luận người vật, cho rằng Đại sư thanh khiết, có thể đem Đạo đó dạy răn người học, Thúc Trí rất lấy trọng lời nói cùng suy, nên cùng tôi kịp đến Quách Thúc Bảo, Bùi Trường Ngôn, vài lần đến nhà đó, đắp đổi làm thơ ca để tán dương đẹp xinh đó. Đại sư cùng vui vẻ cùng đức, nay ra vài ngàn dặm, lại cùng đó gặp vui vẻ gần nửa năm. Tiếp lời nói đó càng văn vẻ, đạo đó càng thân gần, hợp nghĩa dốc thuận, gấp bội trăm lần so với lúc đầu. Đang mùa Thu tháng tám, mà Đại sư do vì mưu tính việc, nhóm tập bảo dẫn dắt thuyền muốn đi. Mọi người ở Hàng Châu kính mộ cúi đầu cầu xin ở lại rất khẩn thiết, cuối cùng Đại sư cũng dẫn đi không đoái hoài. Tôi đi khắp bốn phương, riêng cách biệt Tâm Dương, quyến luyến như nghĩ nhớ nước nhà của cha mẹ mà chẳng thể quên, bởi vì ở đó có Quân tử nhân hiền, dốc thuận thành thật, tin ở giao du, dùng Đạo đức mà cùng thấm đượm. Lại vì sửa Lộ Điện, bên tả đó cao vút hiểm trở, khí tượng đó sâu thẳm âm u, khiến người đến thưởng ngoạn đó có chí cao trong thiên hạ. Nay Đại sư Chân lại trở về vậy, tôi vương bận việc chẳng được đồng đi, chỉ tư duy cao vợi rồi ren nơi lồng ngực: Nhân, Đại sư vì ta mà tạ Quân tử Tâm Dương, cùng thấu đạt vinh thúy”, nhọc thân hình tôi, tính nghĩ được mất, muôn mối nhọc tâm tôi. Nhân sanh vừa như một giấc mộng, sao dài cùng vật bàn bạc ở đời. Đó nên tham tâm nơi Đạo Phật, lắng gạt Thần minh đó. Đại sư Chân là người dẫn Đạo đó, nên bảo đó đáng đi vậy.

